

**BAN CHỈ ĐẠO  
QUỐC GIA PHÒNG  
CHỐNG DỊCH COVID-19**

Số: /QĐ-BCĐQG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**KHẨN**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành “Hướng dẫn tạm thời đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất kinh doanh”**

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA  
PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH VIÊM ĐƯỜNG HÔ HẤP CẤP  
DO CHỨNG MỚI CỦA VI RÚT CORONA (COVID-19) GÂY RA**

*Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;  
Căn cứ Nghị định số 101/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch COVID-19;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

**Điều 2.** “Hướng dẫn đánh giá nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất kinh doanh” được áp dụng tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên phạm vi toàn quốc.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng y tế các Bộ, ngành; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- PTTg. Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Thành viên BCĐ QGPCDB do nCoV;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Bộ, ngành;
- TLĐLĐVN, Phòng TMCNVN;
- Thường trực Tỉnh ủy/Thành ủy;
- Ban Chỉ đạo PCDB cấp tỉnh;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, MT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC**

**Đỗ Xuân Tuyên  
Thứ trưởng Bộ Y tế**

**DỰ THẢO**

**HƯỚNG DẪN TẠM THỜI**

**Đánh giá nguy cơ lây nhiễm**

**dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất kinh doanh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**I. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ**

**1. Số lượng công nhân làm việc tập trung của cơ sở lao động (10 điểm)**

- Dưới 50 người 01 điểm.
- Từ 50 – 99 người 02 điểm.
- Từ 100 – 199 người 03 điểm.
- Từ 200 – 499 người 04 điểm.
- Từ 500 – 999 người 05 điểm.
- Từ 1000 – 4999 người 07 điểm.
- Từ 5000 người trở lên 10 điểm.

**2. Mật độ người lao động làm việc ở các phân xưởng tính bình quân trên  
01 m<sup>2</sup> mặt bằng phân xưởng hiện có (10 điểm)**

- 01 người/16 m<sup>2</sup>: 01 điểm.
- 01 người lao động/09 - 16 m<sup>2</sup>: 02 điểm.
- 01 người lao động/04 - 09 m<sup>2</sup>: 06 điểm.
- 01 người lao động/2,5 - 4 m<sup>2</sup>: 08 điểm.
- 01 người lao động/< 2,5 m<sup>2</sup> 10 điểm.

**3. Nguy cơ lây nhiễm COVID-19 từ người lao động (25 điểm)**

*3.1. Người lao động lưu trú tại các tỉnh có nguy cơ (Căn cứ Kết luận 158/TB-VPCP ngày 16/4/2020 của Văn phòng Chính phủ).*

- Nguy cơ thấp 01 điểm.
- Có nguy cơ: 03 điểm.
- Nguy cơ cao: 05 điểm.

*3.2. Có người lao động dương tính với SARS – COV-2 (Chỉ tính điểm đối với người có nguy cơ cao nhất)*

- Người tiếp xúc vòng 2 01 điểm.
- Người tiếp xúc vòng 1 05 điểm.
- Có ca bệnh 10 điểm.
- Có ca bệnh và lây nhiễm cho người khác 20 điểm.

**4. Thông khí nhà xưởng (05 điểm)**

- Thông khí tự nhiên 01 điểm.
- Sử dụng điều hòa 05 điểm.

## **5. Tổ chức thời gian làm việc (10 điểm)**

### *6.1. Thời gian làm việc:*

- <= 8 giờ/ngày 01 điểm.
- >8 giờ: 05 điểm.

### *6.2. Tổ chức làm ca đêm*

- Không làm ca đêm: 01 điểm.
- Có làm ca đêm và có người giám sát phòng chống dịch: 03 điểm.
- Có làm ca đêm và không có người giám sát phòng chống dịch: 05 điểm

## **6. Tỷ lệ công nhân được kiểm tra thân nhiệt trước khi vào phân xưởng (10 điểm)**

- 100%: 01 điểm.
- 80% đến dưới 100%: 07 điểm.
- 60% đến dưới 80%: 09 điểm.
- Dưới 60%: 10 điểm.

## **7. Điều kiện vệ sinh cá nhân cho người lao động (20 điểm)**

### *7.1. Bố trí khu vực rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn có tối thiểu 60% nồng độ cồn trước khi vào và ra khỏi phân xưởng*

- Tất cả các phân xưởng đều có 01 điểm.
- Tỷ lệ các phân xưởng không có giảm từ 90% xuống 10% 02 - 09 điểm.
- Tất cả các phân xưởng đều không có 10 điểm

### *7.2. Tỷ lệ người lao động thực hiện rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn có tối thiểu 60% nồng độ cồn trước khi vào và ra khỏi phân xưởng*

- 100% người lao động quan sát được thực hiện: 01 điểm.
- Tỷ lệ thay đổi giảm từ 90% xuống 10% 02 - 09 điểm.
- Dưới 10% người lao động quan sát thấy thực hiện: 10 điểm.

## **8. Sử dụng khẩu trang tại nơi làm việc (20 điểm)**

### *8.1. Cung cấp khẩu trang cho công nhân mỗi ngày hoặc phát đủ khẩu trang giặt được và người lao động đảm bảo khẩu trang được giặt khô sạch hằng ngày.*

- 100% người lao động: 01 điểm.
- Tỷ lệ người lao động được cấp giảm từ 90% xuống 10% 02 - 09 điểm.
- Dưới 10% người lao động: 10 điểm.

### *8.2. Tỷ lệ công nhân đeo khẩu trang trong lúc làm việc.*

- 100% người lao động: 01 điểm.
- Tỷ lệ thay đổi giảm từ 90% xuống 10% 02 - 09 điểm.
- Dưới 10% người lao động: 10 điểm.

## **9. Hoạt động của các khu dịch vụ không thiết yếu tại cơ sở sản xuất kinh doanh (quán cà phê, thư viện, phòng tập thể thao, ...) (5 điểm)**

- Dừng hoạt động hoặc không có 01 điểm.
- Vẫn tiếp tục hoạt động 05 điểm.

**10. Bố trí dung dịch sát khuẩn tay nhanh có chứa ít nhất 60% cồn tại các vị trí có tiếp xúc chung như: cây ATM, bình nước uống công cộng, ... (10 điểm)**

- Có đầy đủ 01 điểm.
- Có nhưng không đầy đủ 05 điểm.
- Không có 10 điểm.

**11. Tổ chức bữa ăn ca cho người lao động (45 điểm)**

*11.1. Giám sát sức khỏe của đơn vị cung cấp bữa ăn ca*

- Có 01 điểm.
- Không 05 điểm.

*11.2. Số người ăn cùng một lúc ở nhà ăn, căng tin.*

- Dưới 50 người: 01 điểm.
- Từ 50 đến dưới 100 người: 02 điểm.
- Từ 100 đến 500 người: 03 điểm.
- Từ 500 đến 1.000 người: 04 điểm.
- Trên 1.000 người: 05 điểm.

*11.3. Bố trí vách ngăn giữa các vị trí ngồi ăn hoặc đảm bảo khoảng cách khi ăn (tối thiểu 1 m, bố trí so le):*

- Có đầy đủ (tách riêng từng vị trí ) hoặc đảm bảo khoảng cách 01 điểm
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm.
- Không có 05 điểm.

*11.4. Điều kiện vệ sinh, khử khuẩn các bề mặt tiếp xúc tại khu ăn, uống*

- Có thực hiện vệ sinh, khử khuẩn ngay sau mỗi lượt ăn, uống: 01 điểm
- Thực hiện nhưng không đầy đủ 05 điểm.
- Không thực hiện 10 điểm.

*11.5. Bố trí khu vực rửa tay trước và sau khi ăn*

- Có bố trí đầy đủ trước và sau khi ăn 01 điểm.
- Chỉ bố trí khu vực rửa tay trước hoặc sau khi ăn 05 điểm.
- Không bố trí khu vực rửa tay 10 điểm.

*11.6. Hình thức chi trả bữa ăn ca*

- Không phải sử dụng tiền mặt hoặc phiếu ăn 01 điểm.
- Phải sử dụng tiền mặt hoặc phiếu ăn 05 điểm.

*11.7. Hình thức cung cấp suất ăn*

- Cung cấp suất ăn cá nhân 01 điểm.
- Cung cấp suất ăn theo nhóm 05 điểm.

**12. Tổ chức đưa đón người lao động (30 điểm)**

*12.1. Số công nhân đi làm bằng xe đưa đón.*

- Dưới 50 người 01 điểm.
- Từ 50 – 99 người 02 điểm.
- Từ 100 – 199 người 03 điểm.

- Từ 200 – 499 người 04 điểm.
- Từ 500 – 999 người 05 điểm.
- Từ 1000 – 5000 người 07 điểm.
- Trên 5000 người. 10 điểm.

*12.2. Mật độ người trên xe*

- Sử dụng dưới 50% công suất chuyên chở của xe 01 điểm.
- Sử dụng 50%-dưới 70% công suất chuyên chở của xe 05 điểm.
- Sử dụng trên 70% công suất chuyên chở của xe 10 điểm.

*12.3. Số khu vực (địa điểm đón, trả công nhân) công nhân ở trước khi đi làm (mỗi khu vực cách nhau từ 3 km trở lên).*

- 1 khu vực: 01 điểm.
- 2 đến 4 khu vực: 07 điểm.
- 5 khu vực trở lên: 10 điểm.

**13. Các trang thiết bị hỗ trợ phòng chống dịch trên phương tiện đưa đón người lao động (25 điểm)**

*13.1. Camera giám sát trên xe:*

- Có: 01 điểm
- Không: 02 điểm

*14.2. Thông gió trên phương tiện*

- Thông gió tự nhiên: 01 điểm.
- Sử dụng điều hòa: 05 điểm.

*13.3. Có sẵn dung dịch sát khuẩn tay chứa trên 60% nồng độ cồn*

- Có: 01 điểm.
- Không: 05 điểm.

*13.4. Thực hiện đo nhiệt độ cho người lao động trước khi lên xe*

- Có: 01 điểm.
- Không: 05 điểm.

*13.5. Bố trí bảng hoặc thẻ theo dõi người lên xe*

- Có: 01 điểm.
- Không: 03 điểm.

*13.6. Thực hiện vệ sinh, khử khuẩn xe sau mỗi lần đưa đón*

- Có: 01 điểm.
- Không: 05 điểm.

**14. Phương án ứng phó phòng chống dịch (45 điểm)**

*14.1. Kế hoạch ứng phó*

- Có kế hoạch và có diễn tập: 01 điểm.
- Có kế hoạch và không diễn tập: 02 điểm.
- Không có kế hoạch: 05 điểm.

*14.2. Cán bộ đầu mối thông tin về phòng chống dịch*

- Có: 01 điểm.
- Không: 05 điểm.

*14.3. Bố trí khu vực cách ly tạm thời*

- Có: 01 điểm.
- Không: 05 điểm.

*14.4. Có trạm y tế/người làm công tác y tế hoặc hợp đồng với cơ sở khám bệnh chữa bệnh*

- Có: 01 điểm
- Không: 05 điểm

*14.5. Tỷ lệ công nhân được tập huấn phòng chống dịch*

- 100% người lao động: 01 điểm.
- Tỷ lệ không được tập huấn giảm từ 90% xuống 10% 02 - 09 điểm.
- Dưới 10% người lao động: 10 điểm.

*14.6. Hướng dẫn/tuyên truyền tại các vị trí cần thiết (nơi làm việc, căng tin, khu vệ sinh, cây ATM, trên phương tiện vận chuyển,...)*

- Có đầy đủ 01 điểm.
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm.
- Không có 05 điểm.

*14.7. Phân công người giám sát thực hiện ở từng khâu*

- Có đầy đủ 01 điểm.
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm.
- Không có 05 điểm.

*14.8. Tỷ lệ người lao động thực hiện khai báo y tế điện tử (app NCOVI hoặc các giải pháp cập nhật) theo quy định của Bộ Y tế*

- 100% người lao động: 01 điểm.
- 40% - dưới 100% người lao động 03 điểm.
- Dưới 40% người lao động: 05 điểm.

**15. Vệ sinh, khử khuẩn môi trường tại nơi làm việc (30 điểm)**

*15.1. Thực hiện vệ sinh, khử khuẩn*

- Có đầy đủ 01 điểm.
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm.
- Không có 05 điểm.

*15.2. Sử dụng dung dịch khử khuẩn*

- Đúng quy định của Bộ Y tế (chứa 0,05-0,1% Clo hoạt tính, còn 70 độ) 01 điểm.
- Không đúng quy định của Bộ Y tế: 10 điểm.

*15.3. Thực hiện làm sạch bề mặt trước khi khử khuẩn*

- Có đầy đủ 01 điểm
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm
- Không có 05 điểm

#### 15.4. Phương pháp khử khuẩn (theo quy định của Bộ Y tế)

- Đúng (lau rửa bề mặt) 01 điểm
- Không đúng theo quy định 05 điểm

#### 15.5. Bố trí thùng rác có nắp đậy tại các vị trí thuận tiện

- Có đầy đủ 01 điểm
- Có nhưng không đầy đủ 03 điểm
- Không có 05 điểm

## II. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN NGUY CƠ

### 1. Chỉ số nguy cơ lây nhiễm

Được tính tổng số điểm % các chỉ số ở trên.

$$CSNCLN = (CS1+CS2+CS3+...+ CS16)/300*100.$$

### 2. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá đối với từng phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất,... để xác định nguy cơ của từng phân xưởng, dây chuyền, khu vực sản xuất để đánh giá nguy cơ chung của cơ sở sản xuất kinh doanh và có biện pháp đối với từng vị trí có nguy cơ cao.

- Đối với các chỉ số cơ sở sản xuất kinh doanh không có (từ Mục 9 đến 13) thì được áp dụng chỉ số nguy cơ là 0%.

### 3. Xếp loại nguy cơ lây nhiễm

- Dưới 15%: Rất ít nguy cơ. Cơ sở lao động được hoạt động tuy nhiên vẫn thường xuyên duy trì và đánh giá nhằm đảm bảo các điều kiện phòng chống dịch.

- Từ 16 – 30%: Nguy cơ lây nhiễm thấp. Cơ sở lao động được hoạt động, phải kiểm tra định kỳ để khắc phục các hạn chế ở chỉ số thành phần cao nhất.

- Từ 31 – 50%: Nguy cơ lây nhiễm trung bình. Cơ sở lao động có thể được hoạt động với điều kiện phải thường xuyên đánh giá và khắc phục các chỉ số thành phần cao nhất mới được phép hoạt động.

- Từ 51 – 80%: Nguy cơ lây nhiễm cao. Cơ sở lao động không được hoạt động. Phải có giải pháp giảm rủi ro và đạt chỉ số rủi ro phù hợp mới được hoạt động.

- Từ 81 - 100%: Nguy cơ lây nhiễm rất cao. Cơ sở lao động không được hoạt động. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống dịch: Giãn cách vị trí làm việc, tổ chức lao động, áp dụng sử dụng khẩu trang và vệ sinh khử khuẩn, vệ sinh môi trường.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Người sử dụng lao động

- Triển khai thực hiện đánh giá nguy cơ theo hướng dẫn này;
- Căn cứ kết quả đánh giá, xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh COVID-19 phù hợp;
- Kiểm tra, đánh giá lại việc thực hiện kế hoạch phòng chống dịch bệnh COVID-19 để điều chỉnh phù hợp.
- Báo cáo kết quả đánh giá theo hướng dẫn này về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Y tế.

## **2. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố**

2.1. Chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Y tế, Liên đoàn lao động tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp:

- Phổ biến, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thực hiện đánh giá nguy cơ theo hướng dẫn này.
- Tiến hành đánh giá nguy cơ lây nhiễm của các cơ sở sản xuất kinh doanh và báo cáo về Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và Sở Y tế.

2.2. Chỉ đạo Sở Y tế hướng dẫn và kiểm tra việc đánh giá của các cơ sở sản xuất kinh doanh, đề xuất Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh COVID-19 cấp tỉnh xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất kinh doanh không đảm bảo công tác phòng chống dịch. Hướng dẫn các đơn vị triển khai công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19 đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ lây nhiễm cao và rất cao trên địa bàn quản lý.

2.3. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế) trước ngày 30/4/2020.